

Số: 2702/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 02 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải -
Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1186/QĐ-CTN ngày 19/6/2017 của Chủ tịch nước về việc ký Hiệp định vay, Hiệp định tài trợ cho Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải”;

Căn cứ Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016, Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 14/12/2016, Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Hiệp định tín dụng số 6027-VN và Hiệp định vay số 8745-VN ký ngày 27/10/2017 giữa Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) và Ngân hàng Tái thiết & Phát triển quốc tế (IBRD);

Căn cứ Biên bản ghi nhớ Chuyển công tác số 3 về hỗ trợ thực hiện dự án của Ngân hàng thế giới từ ngày 27/5 - 07/6/2019;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 482/BC-SKHĐT ngày 30/7/2019 và đề nghị của Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 1072/TTr-BQLDA ngày 25/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn với các nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giám đốc Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tại Điều 1 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 và Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT P.C.Thắng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14. /

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYÊN HẢI – TIỂU DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 02/..8../2019 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Ký hiệu gói thầu	Tên gói thầu	Giá gói thầu		Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
			VNĐ	USD						
I. CHO GIAI ĐOẠN 18 THÁNG ĐẦU TIÊN THỰC HIỆN DỰ ÁN										
Hàng hóa										
1	QN-1.11	Cung cấp và lắp đặt thiết bị tự động hóa, khử mùi và thiết bị vận hành cho các trạm bơm, nhà máy xử lý nước thải	29.096.100.000	1.303.297	IDA	NCB	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	07/2021 ⁽¹⁾	Trộn gói	12 tháng
Xây lắp										
2	QN-1.1	Xây dựng cống hộp thay thế kênh hồ Phú Hòa	111.409.101.623	4.990.329	IDA	NCB	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	8/2018 ⁽¹⁾	Đơn giá điều chỉnh	24 tháng
3	QN-1.2	Xây dựng cụm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ công suất 400 m ³ /ng.đ	97.737.081.957	4.377.921	IDA	NCB	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	8/2018 ⁽¹⁾	Đơn giá điều chỉnh	36 tháng
4	QN-1.3	Xây dựng nhà vệ sinh trường học	14.019.116.643	627.956	IDA	NCB	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	8/2018 ⁽¹⁾	Đơn giá cố định	12 tháng
5	QN-2.1	Xây dựng hai cầu chữ Y và cầu Huỳnh Tấn Phát	79.322.092.728	3.553.061	IBRD	NCB	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	8/2018 ⁽¹⁾	Đơn giá điều chỉnh	24 tháng
Tư vấn										
6	QN-1.21	Tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và lập hồ sơ mời thầu cho các hạng mục còn lại của Hợp phần 1	15.293.998.000	685.062	IDA	QCBS	01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	02/2018 ⁽¹⁾	Trộn gói	18 tháng
7	QN-1.22	Tư vấn giám sát xây dựng cho HP1 và HP2 của dự án	21.864.656.000	979.380	IDA/IBRD	QCBS	01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	02/2018 ⁽¹⁾	Theo thời gian	48 tháng ⁽²⁾
8	QN-1.24	Chuyên gia độc lập thiết bị cơ điện và tự động hóa	3.438.050.000	154.000	IDA	IC	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	9/2020 ⁽¹⁾	Theo thời gian	22 tháng ⁽²⁾



TT	Ký hiệu gói thầu	Tên gói thầu	Giá gói thầu		Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
			VNĐ	USD						
9	QN-1.25	Tư vấn giám sát an toàn môi trường và xã hội	2.991.550.000	134.000	IDA	CQS	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	12/2018 ⁽¹⁾	Trọn gói	42 tháng ⁽²⁾
10	QN-1.27	Kiểm toán độc lập giai đoạn 1 ⁽⁴⁾	1.674.375.000 ⁽³⁾	75.000 ⁽³⁾	IDA	CQS	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	10/2019 ⁽¹⁾	Trọn gói	30 tháng
11	QN-4.5	Tư vấn hỗ trợ cải cách thể chế đối với đơn vị chủ sở hữu cấp tỉnh	871.915.000	39.056	CF	NCB	01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	4/2018	Trọn gói	8 tháng
12		Đánh giá Hồ sơ dự thầu xây lắp gói thầu QN-1.1	48.484.686 ⁽⁷⁾		Đối ứng	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	10/2018		10 tháng
13		Đánh giá Hồ sơ dự thầu xây lắp gói thầu QN-1.2	42.644.592 ⁽⁸⁾		Đối ứng	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	10/2018		10 tháng
14		Đánh giá Hồ sơ dự thầu xây lắp gói thầu QN-1.3	10.338.638 ⁽⁹⁾		Đối ứng	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	10/2018		10 tháng
15		Đánh giá Hồ sơ dự thầu xây lắp gói thầu QN-2.1	48.479.009 ⁽¹⁰⁾		Đối ứng	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	10/2018		10 tháng

II. CHO GIAI ĐOẠN CÒN LẠI CỦA DỰ ÁN

Xây lắp

1	QN-1.4	Cải tạo cống chung thoát nước thượng lưu hồ Bầu Sen và đường Bạch Đằng	43.119.425.132	1.931.441	IDA	NCB	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	5/2020 ⁽¹⁾	Đơn giá điều chỉnh	24 tháng
2	QN-1.5	Xây dựng các tuyến cống hộp tại khu vực Hóc Bà Bép	95.687.693.191	4.286.123	IDA	NCB	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	7/2020 ⁽¹⁾	Đơn giá điều chỉnh	24 tháng ⁽²⁾
3	QN-1.6	Xây dựng các tuyến cống cấp 3	107.539.355.330	4.816.992	IDA	NCB	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	8/2020 ⁽¹⁾	Đơn giá điều chỉnh	24 tháng ⁽²⁾
4	QN-1.7	Xây dựng mở rộng, nâng công suất nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình lên 28.000m ³ /ngày	207.416.620.629	9.290.778	IDA	NCB	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	3/2020 ⁽¹⁾	Đơn giá điều chỉnh	26 tháng ⁽²⁾

TT	Ký hiệu gói thầu	Tên gói thầu	Giá gói thầu		Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
			VND	USD						
5	QN-1.8	Xây dựng mở rộng khu chôn lấp chất thải rắn Long Mỹ	60.962.145.828	2.730.667	IDA	NCB	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	6/2020 ⁽¹⁾	Đơn giá điều chỉnh	24 tháng ⁽²⁾

Tư vấn

6	QN-1.28 ⁽⁵⁾	Kiểm toán độc lập giai đoạn 2 ⁽⁴⁾	1.674.375.000 ⁽³⁾	75.000 ⁽³⁾	IDA	CQS	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	9/2020	Trọn gói	24 tháng ⁽²⁾
---	------------------------	--	------------------------------	-----------------------	-----	-----	----------------------------	--------	----------	-------------------------

III. KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU CHO HỢP PHẦN 4

1. CHO GIAI ĐOẠN 18 THÁNG ĐẦU TIÊN

1	QN-4.1	Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật nâng cấp phần mềm quản lý tài chính kế toán cho Ban QLDA	185.000.000	8.325	Đối ứng	Chỉ định thầu	Thương thảo Hợp đồng	4/2017	Trọn gói	03 tháng
2	QN-4.3	Đào tạo nâng cao năng lực và cập nhật kiến thức, kỹ năng mới; và về hướng dẫn, quy định của VN và WB	736.725.000	33.000	CF	SOE				30 tháng ⁽²⁾
3	QN-4.4	Tổ chức hội thảo về dự án phối hợp với WB & cơ quan, đơn vị khác	736.725.000	33.000	CF	SOE				30 tháng ⁽²⁾
4	QN-4.6	Tư vấn IEC	1.227.875.000	55.000	CF	NCB	01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	01/2020 ⁽¹⁾	Trọn gói	31 tháng ⁽²⁾
5	QN-4.14	Tư vấn thẩm tra dự toán các gói thầu tư vấn thuộc Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	144.157.000	6.487	Đối ứng	Chỉ định thầu	Thương thảo Hợp đồng	4/2017	Trọn gói	60 tháng
6	QN-4.15	Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các gói thầu: (i) Gói thầu QN-1.1: Xây dựng cống hộp thay thế kênh hở Phú Hòa và (ii) Gói thầu QN-1.3: Xây dựng nhà vệ sinh trường học	284.145.000	12.787	Đối ứng	Chỉ định thầu	Thương thảo Hợp đồng	4/2017	Trọn gói	3 tháng



TT	Ký hiệu gói thầu	Tên gói thầu	Giá gói thầu		Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
			VNĐ	USD						
7	QN-4.16	Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Gói thầu QN-1.2: Xây dựng cụm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ công suất 400 m ³ /ng.đ	188.418.000	8.479	Đối ứng	Chỉ định thầu	Thương thảo Hợp đồng	4/2017	Trộn gói	3 tháng
8	QN-4.17	Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Gói thầu QN-2.1: Xây dựng cầu Chữ Y và cầu Huỳnh Tấn Phát	183.551.000	8.260	Đối ứng	Chỉ định thầu	Thương thảo Hợp đồng	4/2017	Trộn gói	3 tháng
9	QN-4.18	Tư vấn thẩm định giá thiết bị của Gói thầu QN-1.2: Xây dựng cụm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ công suất 400 m ³ /ng.đ	36.651.000	1.649	Đối ứng	Chỉ định thầu	Thương thảo Hợp đồng	7/2017	Trộn gói	3 tháng
10	QN-4.19	Tư vấn thẩm định giá thiết bị của Gói thầu QN-1.7: Xây dựng mở rộng, nâng công suất nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình lên 28.000 m ³ /ngày	124.450.000	5.601	Đối ứng	Chỉ định thầu	Thương thảo Hợp đồng	01/2020 ⁽¹⁾	Trộn gói	3 tháng
11	QN-4.20	Tư vấn thẩm định giá thiết bị của Gói thầu QN-1.11: Cung cấp, lắp đặt thiết bị tự động hóa, khử mùi và thiết bị vận hành cho các trạm bơm, nhà máy xử lý nước thải	66.921.000	3.012	Đối ứng	Chỉ định thầu	Thương thảo Hợp đồng	8/2017	Trộn gói	3 tháng
12	QN-4.21	Tư vấn giám sát công tác khảo sát địa hình, địa chất của Gói thầu QN-1.21	68.238.000 ⁽⁶⁾	3.056	Đối ứng	Chỉ định thầu	Thương thảo Hợp đồng	8/2019	Trộn gói	4 tháng
2. CHO GIAI ĐOẠN CÒN LẠI										
1	QN-4.8	Đào tạo VH&BD hệ thống	245.575.000	11.000	CF	SOE				24 tháng

TT	Ký hiệu gói thầu	Tên gói thầu	Giá gói thầu		Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
			VNĐ	USD						
		thoát nước mưa, nước thải cho CBNV của đơn vị chủ sở hữu								
2	QN-4.9	Tư vấn tăng cường năng lực cho đơn vị VH&BD	1.227.875.000	55.000	CF	NCB	01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	9/2020 ⁽¹⁾	Trộn gói	16 tháng
3	QN-4.10	Tư vấn xây dựng chính sách đầu nổi nước thải, định mức chi phí và xác định đơn giá VH&BD	1.227.875.000	55.000	CF	NCB	01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	4/2020 ⁽¹⁾	Trộn gói	28 tháng ⁽²⁾
4	QN-4.11	Tư vấn về quản lý thoát nước, nước thải, quản lý VH&BD và xây dựng CSDL	4.665.925.000	209.000	CF	NCB	01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	6/2021 ⁽¹⁾	Trộn gói	11 tháng
5	QN-4.12	Tư vấn đánh giá dự án và báo cáo hoàn thành dự án	982.300.000	44.000	CF	NCB	01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	8/2021	Trộn gói	08 tháng

Ghi chú:

ICB- Đấu thầu cạnh tranh quốc tế
 NCB- Đấu thầu cạnh tranh trong nước
 QCBS- Lựa chọn trên cơ sở chất lượng - chi phí
 CQS- Lựa chọn trên cơ sở năng lực của Tư vấn
 IC- Thủ tục lựa chọn tư vấn cá nhân
 IDA – Vốn tài trợ của Liên đoàn phát triển quốc tế
 IBRD – Vốn tài trợ Ngân hàng tái thiết xây dựng và phát triển quốc tế
 CF – Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh
 SOE – Tự thực hiện

- (1): điều chỉnh thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu theo thực tế thực hiện
- (2): điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng
- (3): điều chỉnh giá gói thầu
- (4): điều chỉnh tên gói thầu
- (5): điều chỉnh ký hiệu gói thầu
- (6): Giá trị dự toán gói thầu QN-4.21 được Ban QLDA phê duyệt tại Quyết định số 75A/QĐ-BQLDA ngày 14/5/2019; trong đó Chi phí giám sát công tác khảo sát địa hình là 45.116.000 đồng và Chi phí giám sát công tác khảo sát địa chất là 23.122.000 đồng.
- (7): Chi phí Đánh giá Hồ sơ dự thầu xây lắp gói thầu QN-1.1 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 19/9/2017
- (8): Chi phí Đánh giá Hồ sơ dự thầu xây lắp gói thầu QN-1.2 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 18/01/2019
- (9): Chi phí Đánh giá Hồ sơ dự thầu xây lắp gói thầu QN-1.3 được Ban QLDA phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-BQLDA ngày 24/10/2017
- (10): Chi phí Đánh giá Hồ sơ dự thầu xây lắp gói thầu QN-1.2 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3931/QĐ-UBND ngày 23/10/2017

